

Số: 325 /KH-UBND

Kon Tum, ngày 14 tháng 02 năm 2015

## **KẾ HOẠCH**

### **Đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2015.**

Thực hiện Luật Khoáng sản 2010, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản và Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2015, với các nội dung chủ yếu sau đây:

#### **I. Mục đích, yêu cầu:**

##### **1. Mục đích:**

- Nhằm đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoáng sản phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường đúng theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010.
- Phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản tại địa phương, tăng nguồn thu ngân sách cho Nhà nước. Hoạt động khai thác phải đảm bảo có hiệu quả và tiết kiệm không lãng phí thất thoát tài nguyên.

##### **2. Yêu cầu:**

- Các điểm được lựa chọn đưa ra đấu giá phải phù hợp với quy hoạch được phê duyệt (*ngoài khu vực đã được UBND tỉnh khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản 2010*).
- Đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản.
- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đấu giá và quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

#### **II. Nội dung:**

**1. Các điểm mở đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2015: Tổng số 33 điểm mở, trong đó:**

- Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường: 24 điểm mở.
- Đá làm vật liệu xây dựng thông thường: 08 điểm mở.
- Than bùn: 01 điểm mở.

2. Phương pháp tiến hành: Tổ chức phiên đấu giá theo quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

**3. Thời gian thực hiện:**

- Ngày 05/5/2015: Đấu giá 09 điểm mỏ (trong đó 07 điểm mỏ cát, sỏi chưa thăm dò và 02 điểm mỏ cát, sỏi đã thăm dò).

- Ngày 14/5/2015: Đấu giá 10 điểm mỏ cát, sỏi (chưa thăm dò).

- Ngày 20/5/2015: Đấu giá 14 điểm mỏ (trong đó 05 điểm mỏ cát, sỏi chưa thăm dò; 01 điểm mỏ đá đã được thăm dò phê duyệt trữ lượng, 07 điểm mỏ đá chưa thăm dò và 01 điểm than bùn chưa thăm dò).

(Có phụ lục danh mục các điểm mỏ đấu giá quyền khai thác khoáng sản kèm theo).

**4. Kinh phí thực hiện:**

Theo quy định Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ và Quyết định số 74/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Ban hành mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**III. Nhiệm vụ:**

- Thông báo công khai các khu vực và điểm mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh năm 2015, các thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thông tin cơ bản về địa chất và khoáng sản đã điều tra, đánh giá, phê duyệt trữ lượng.

- Xác định giá khởi điểm phiên đấu giá, xác định bước giá cho các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định hiện hành.

**IV. Phân công trách nhiệm:**

**1. Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh (thành lập tại Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh):** Thực hiện nhiệm vụ giúp UBND tỉnh triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép theo quy định tại Điều 82 Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

## 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Công bố công khai danh mục khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá theo kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản, các thông tin về tài nguyên khoáng sản tại khu vực đấu giá, tài liệu điều tra, đánh giá tại Trụ sở cơ quan, Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với đơn vị, địa phương có liên quan xác định giá khởi điểm trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Tiếp nhận và chuẩn bị hồ sơ trước, sau phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ và phối hợp với Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh thực hiện các nội dung liên quan đến công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

## 3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan xác định và thẩm định giá khởi điểm, bước giá để đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Phối hợp thực hiện các nội dung liên quan đến công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

## 4. Các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành nơi có khoáng sản đưa ra đấu giá có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện theo Kế hoạch.

Trong quá trình tổ chức triển khai Kế hoạch này nếu có những vấn đề vướng mắc các Sở, ngành, UBND các huyện và thành phố kịp thời phản ánh, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: 

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng, Sở Công Thương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN3.

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



  
**Nguyễn Đức Tuy**

Phụ lục:

## KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2015



1. Cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường:

1. Địa bàn thành phố Kon Tum:

Tên khu vực	Tọa độ		Diện tích (ha)	Hiện trạng	Trữ lượng, tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )	Thời gian đầu giá	Ghi chú
	X	Y					
<b>Địa điểm:</b> Thôn Kon Rơ Wang, phường Thăng Lợi							
<b>Điểm mô số 1</b>							
1	15 87.778	5 57.510	0,8465	Mô đã thăm dò chưa được khai thác, hai bên bờ là nương rẫy của dân, có đường giao thông vào tới mô thuận lợi đưa vào khai thác.	C <sub>121</sub> = 8.550 C <sub>222</sub> = 51.300	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 183
2	15 87.785	5 57.560					
3	15 87.770	5 57.668					
4	15 87.786	5 57.787					
5	15 87.756	5 57.791					
6	15 87.740	5 57.668					
7	15 87.755	5 57.560					
8	15 87.748	5 57.510					
<b>Điểm mô số 2</b>							
1	15 87.758	5 57.312	0,8428	Mô chưa thăm dò, đã được khai thác, hai bên bờ là nương rẫy của dân, có đường giao thông vào tới mô thuận lợi đưa vào khai thác	50.570	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 183
2	15 87.793	5 57.510					
3	15 87.747	5 57.510					
4	15 87.737	5 57.470					
5	15 87.725	5 57.309					
<b>Địa điểm:</b> Làng Kon Jơ Dri, xã Đăk Rơ Wa và làng Kon Jơ Droi, xã Đăk Blà							
<b>Điểm mô số 3</b>							
1	15 87.259	559.573	0,9200	Mô đã thăm dò chưa được khai thác, hai bên bờ là nương rẫy của dân, có đường giao thông vào tới mô thuận lợi đưa vào khai thác	C <sub>121</sub> = 15.640 C <sub>222</sub> = 93.840	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 182
2	12 87.269	559.601					
3	15 86.956	559.694					
4	15 86.947	559.669					

**2. Địa bàn các huyện:**



Tên khu vực	Toạ độ		Diện tích (ha)	Hiện trạng	Tài nguyên dự báo (1000m <sup>3</sup> )	Thời gian dự kiến đầu giá	Ghi chú
<b>Huyện Kon Rẫy</b>							
Địa điểm: Thôn 3 xã Tân Lập							
<b>Điểm mô số 4</b>							
1	1602756	573518	05	Mô thuộc sông Đăk Pơ Ne, chưa thăm dò, hai bên bờ là nương rẫy của dân, mô đã được khai thác, đã có bến bãi tập kết và đường giao thông vào tới mô thuận lợi cho việc khai thác	50	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 138
2	1602771	573568					
3	1602715	573941					
4	1602600	573975					
5	1599925	572687					
6	1599962	572560					
Địa điểm: Thôn 10, thôn 11, xã Đăk Rừng							
<b>Điểm mô số 5</b>							
1	1599571	572693	10	Mô thuộc sông Đăk Pơ Ne, chưa thăm dò, hai bên bờ là nương rẫy của dân, mô đã được khai thác, đã có bến bãi tập kết và đường giao thông vào tới mô thuận lợi cho việc khai thác	100	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 139
2	1599682	572774					
3	1599601	573735					
4	1599553	573786					
5	1596822	570818					
6	1596967	570735					
Địa điểm: Thôn 5, xã Tân Lập							
<b>Điểm mô số 6</b>							
1	1602794	577534	05	Mô thuộc sông Đăk Pơ Ne, chưa thăm dò, đã được khai thác, có bến bãi tập kết và đường giao thông vào tới mô	50	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 136
2	1602895	577548					
3	1602593	578512					
4	1602553	578586					
Địa điểm: Thôn 7, TT Đăk Rve							
<b>Điểm mô số 7</b>							
1	1606663	582529	08	Mô thuộc sông Đăk Pơ Ne, chưa thăm dò, đã được khai thác, có bến bãi tập kết và đường giao thông vào tới mô	80	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 133
2	1606607	582474					
3	1606824	582161					
4	1606827	582342					
Địa điểm: Thuộc thôn 6, xã Tân Lập							
<b>Điểm mô số 8</b>							
1	1602493	577283	09	Mô chưa thăm dò thuộc lòng sông Đăk Pơ Ne, đã	90	05/5/2015	Số hiệu quy

2	1602478	577355		được khai thác, có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào tới mỏ			hoạch 137	
3	1600755	574643						
4	1600805	574657						
<b>Địa điểm:</b> Thuộc thôn 5, xã Tân Lập								
<b>Điểm mỏ số 9</b>								
1	1603818	579645		Mỏ chưa thăm dò thuộc lòng sông Đăk Pơ Ne, đã được khai thác, có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào tới mỏ	07	70	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 135
2	1603723	579600						
3	1602806	578828						
4	1602746	578802						
<b>Huyện Đăk Tô</b>								
<b>Địa điểm:</b> Thôn 3 - 4 - 5, xã Tân Cảnh								
<b>Điểm mỏ số 10</b>								
1	1621341	529531		Mỏ chưa thăm dò, thuộc Sông Pô Kô, có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào tới mỏ	03	30	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 71
2	1621202	529585						
3	1621537	525993						
4	1621558	526140						
<b>Địa điểm:</b> Thôn 6, xã Kon Đào								
<b>Điểm mỏ số 11</b>								
1	1626712	534731		Mỏ chưa thăm dò, thuộc Đăk Tờ Kan, có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào tới mỏ	04	40	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 66
2	1626735	534776						
3	1625408	535066						
4	1625458	535053						
<b>Địa điểm:</b> Khối 1, thị trấn Đăk Tô								
<b>Điểm mỏ số 12</b>								
1	1622702	535607		Mỏ chưa thăm dò thuộc Sông Đăk Tơ Kan, có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào mỏ	07	70	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 70
2	1622713	535648						
3	1621556	535971						
4	1621557	535928						
<b>Địa điểm:</b> Thôn Đăk Rao Lớn, thị trấn Đăk Tô								
<b>Điểm mỏ số 13</b>								
1	1618504	534783		Mỏ chưa thăm dò thuộc Sông Đăk Tơ Kan, một số vị trí có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào mỏ	07	70	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 72
2	1618554	534733						
3	1620920	536127						
4	1620968	536156						
<b>Địa điểm:</b> Thôn 5, xã Diên Bình								

<b>Điểm mỏ số 14</b>							
1	1617744	542616	04	Mỏ chưa thăm dò thuộc sông Đăk Pxi, một số vị trí có bến bãi tập kết và đường giao thông (đường đất) thuận lợi vào mỏ	40	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 75
2	1617746	542713					
3	1616836	542565					
4	1616861	542460					
<b>Huyện Ngọc Hồi</b>							
<b>Địa điểm: Sông Đak Pô Kô, thị trấn Plei Kân</b>							
<b>Điểm mỏ số 15</b>							
1	1623329	525004	01	Mỏ chưa thăm dò, đã được khai thác, có bến bãi tập kết, xung quanh là nương rẫy của dân, đường giao thông thuận lợi vào mỏ	10	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 47
2	1623068	525381					
3	1627481	522417					
4	1627513	522340					
<b>Địa điểm: Thôn Nông Nhảy 2, xã Đăk Nông và thôn 6, thị trấn Plei Kân</b>							
<b>Điểm mỏ số 16</b>							
1	1630480	521729	04	Mỏ chưa thăm dò thuộc lòng sông Pô Kô, mỏ mới chưa khai thác, xung quanh là nương rẫy của dân, có đường giao thông thuận lợi dẫn tới mỏ	40	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 43
2	1630375	521712					
3	1628474	522120					
4	1628459	522062					
5	1630379	521596					
<b>Địa điểm: Thôn Chá Nội 2, xã Đăk Nông và xã Đăk Ang</b>							
<b>Điểm mỏ số 17</b>							
1	1633721	521461	03	Mỏ chưa thăm dò thuộc sông Pô Kô, đã được khai thác, hai bên bờ sông là nương rẫy của dân, tại một số vị trí có đường giao thông thuận lợi dẫn vào mỏ	30	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 39
2	1633567	521389					
3	1631257	521799					
4	1631213	521748					
<b>Huyện Tu Mơ Rông</b>							
<b>Địa điểm: Làng Đăk Chum 2, xã Tu Mơ Rông</b>							
<b>Điểm mỏ số 18</b>							
1	1648769	551524	7,1	Mỏ chưa thăm dò thuộc sông Đăk Tờ Kan, có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào mỏ	71	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 89
2	1648798	551558					
3	1647757	551887					
4	1647783	551846					
<b>Địa điểm: Làng Kon HNông, xã Đăk Tờ Kan</b>							
<b>Điểm mỏ số 19</b>							
1	1636001	539508	5	Mỏ cũ đã được khai thác	50	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 95
2	1635971	539570					

3	1634997	539117					
4	1634968	549026					
<b>Huyện Kon Plông</b>							
<b>Địa điểm:</b> thôn Cờ Chốt 1, xã Măng Bút							
<b>Điểm mô số 20</b>							
1	1646799	571912	01	Mô chưa thăm dò thuộc sông Đăk Nghé, có đường đất vào tới mô, 2 bờ sông là nương rẫy của dân	10	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 98
2	1646787	571942					
3	1646344	571958					
4	1646361	571918					
<b>Địa điểm:</b> Thôn Tu Nông 2, xã Măng Bút							
<b>Điểm mô số 21</b>							
1	1642648	574220	01	Mô chưa thăm dò thuộc sông Đăk Nghé, có đường đất vào tới mô, 2 bờ sông là nương rẫy của dân	10	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 101
2	1642624	574195					
3	1642921	573795					
4	1642959	573791					
<b>Huyện Sa Thầy</b>							
<b>Địa điểm:</b> Ngã ba sông Sa Thầy – suối Dốp							
<b>Điểm mô số 22</b>							
1	1570023	496269	25	Mô chưa thăm dò, có đường đất vào tới mô, 2 bờ sông là nương rẫy của dân	25	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 164
2	1569977	496334					
3	1566946	495215					
4	1566859	495259					
<b>Huyện Đăk Hà</b>							
<b>Địa điểm:</b> Tổ 10 thị trấn Đăk Hà							
<b>Điểm mô số 23</b>							
1	1606871	547592	10	Mô chưa thăm dò thuộc sông Đăk Uy, có đường đất vào tới mô, 2 bờ sông là nương rẫy của dân	75	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 129
2	1606809	547744					
3	1603977	546423					
4	1604022	546331					
<b>Địa điểm:</b> Tổ 13 thị trấn Đăk Hà							
<b>Điểm mô số 24</b>							



1	1605096	544708	08	Mỏ chưa thăm dò thuộc sông Đăk Uy, có đường đất vào tới mỏ, 2 bờ sông là nương rẫy của dân	60	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 130
2	1605189	544708					
3	1604660	544708					
4	1604598	544705					

## II. Đá làm vật liệu xây dựng thông thường:

Tên khu vực	Tọa độ		Diện tích	Hiện trạng	Trữ lượng, tài nguyên dự báo (1000m <sup>3</sup> )	Thời gian dự kiến đầu giá	Ghi chú
	X	Y					
<b>Huyện Sa Thầy</b>							
<b>Địa điểm:</b> Thôn Bình Sơn, xã Sa Bình							
<b>Điểm mỏ số 25</b>							
1	1591941	537677	3,5	Mỏ cũ chưa thăm dò, đã được cấp phép khai thác nay hết hạn, xung quanh mỏ là nương rẫy của dân, có đường đất dẫn vào tới mỏ	105	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 152
2	1591976	537604					
3	1591827	537435					
4	1591655	537583					
5	1591731	537705					
6	1591837	537677					
7	1591941	537677					
<b>Địa điểm:</b> Làng Le, xã Mô Rai							
<b>Điểm mỏ số 26</b>							
1	1581651	498234	5	Mỏ đã được thăm dò thuộc rừng sản xuất	C121: 382.275 m <sup>3</sup>	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 161
2	1581842	498391					
3	1581717	498546					
4	1581525	498389					
<b>Huyện Đăk Tô</b>							
<b>Địa điểm:</b> Thôn Kon Pring, xã Ngọc Tu							
<b>Điểm mỏ số 27</b>							
1	1629350	535420	5,1	Mỏ chưa thăm dò, đã được cấp phép khai thác nay hết hạn, xung quanh là đất đồi trống.	153	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 61
2	1629360	535560					
3	1629250	535590					
4	1629110	535570					
5	1629110	535380					
6	1629160	535325					

7	1629350	535420						
<b>Địa điểm:</b> Thôn Tân Cảnh, xã Tân Cảnh								
<b>Điểm mỏ số 28</b>								
2	1620078	533740	06	Mỏ chưa thăm dò, trước đây đã cấp phép khai thác nay hết hạn, có đường giao thông vào tới mỏ, xung quanh mỏ là nương rẫy của dân	180	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 73	
3	1619850	533640						
4	1619678	534089						
4	1619929	534179						
5	1620078	533740						
<b>Huyện Kon Plông</b>								
<b>Địa điểm:</b> Thôn 6, xã Hiếu								
<b>Điểm mỏ số 29</b>								
1	1616534	601961	02	Mỏ chưa thăm dò, có độ dốc lớn (hơn 60 <sup>0</sup> ), có đường giao thông vào tới mỏ, thuận lợi cho khai thác	60	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 112	
2	1616753	602404						
3	1616050	602809						
4	1615797	602361						
5	1616534	601961						
<b>Huyện Đắk Glei</b>								
<b>Địa điểm:</b> Thôn Đắk Poi, thị trấn Đắk Glei								
<b>Điểm mỏ số 30</b>								
1	1664532	525792	10	Mỏ chưa thăm dò, trước đây đã cấp phép khai thác nay hết hạn, có đường giao thông vào tới mỏ, xung quanh mỏ là nương rẫy của dân	1250	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 18	
2	1664200	525803						
3	1664204	525305						
4	1664539	525301						
<b>Huyện Tư Mơ Rông</b>								
<b>Địa điểm:</b> Làng Tam Rừng, xã Ngọc Yêu								
<b>Điểm mỏ số 31</b>								
1	1643704	558081	02	Mỏ cũ chưa thăm dò, trước đây đã được khai thác có độ dốc lớn (hơn 50 <sup>0</sup> ), xung quanh mỏ là rừng tái sinh, có đường đất dẫn tới mỏ	60	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 92	
2	1643809	557834						
3	1644376	558186						
4	1644300	558360						
5	1643704	558081						
<b>Địa điểm:</b> Thôn, Làng Ngọc Leng, xã Đắk Hà								
<b>Điểm mỏ số 32</b>								
1	1643152	547425	02	Mỏ chưa thăm dò, thuộc rừng sản xuất,	60	20/5/2015	Số hiệu QH 94	
2	1642823	547425						
3	1642813	547104						

DÂN		164315	547107				
S.		1643152	547425				
<b>III. Than bùn:</b>							
Tên khu vực	Tọa độ		Diện tích	Hiện trạng	Trữ lượng, tài nguyên dự báo (1000m <sup>3</sup> )	Thời gian dự kiến đầu giá	Ghi chú
	X	Y					
Thành phố Kon Tum							
Địa điểm: Xã Ia Chim							
Điểm mỏ số 33							
1	1579402	546264	05	Mỏ cũ, trước đây đã cấp phép khai thác nay hết hạn, có đường giao thông vào mỏ, thuận lợi đưa vào cấp phép khai thác.	62.5	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 152
2	1579424	546358					
3	1578942	546457					
4	1578917	546353					

**Ghi chú:**

- Tổng cộng có 33 điểm mỏ trong đó: 24 điểm mỏ cát, sỏi (02 điểm mỏ đã thăm dò, 22 điểm mỏ chưa thăm dò), 08 điểm mỏ đá (01 điểm mỏ đã thăm dò, 07 điểm mỏ chưa thăm dò) và 01 điểm than bùn.
- Các điểm trên nằm trong nội dung Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum, tài nguyên dự báo được xác định căn cứ theo kỳ quy hoạch giai đoạn đến 2020.
- Tọa độ các điểm mỏ chưa thăm dò được trích lược từ mục "Giới hạn các điểm góc" tại Phụ lục I của Quyết định quy hoạch số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum. Tọa độ chi tiết từng điểm mỏ tham khảo tại Số hiệu quy hoạch phần "Ghi chú" tại Phụ lục I Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.